

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THEO THÔNG TƯ 99
USER GUIDE ACCORDING TO CIRCULAR 99
신규 회계법-99 프로그램 적용 안내자료

Hướng dẫn chuyển đổi hệ thống tài khoản, báo cáo theo TT99 trên phần mềm kế toán AMnote. Để thực hiện, Doanh nghiệp cần thực hiện theo các bước sau:

Instructions for converting the chart of accounts and reports according to Circular 99 on AMnote accounting software. To do this, businesses need to follow these steps:

신규 회계법-99 (99/2025/TT-BTC)에 따른 계정과목 및 보고서 시스템을 AMnote 회계 프로그램에서 전환하는 방법 안내입니다. 전환을 진행하기 위해 기업은 다음의 절차에 따라 수행해 주시기 바랍니다:

1. Thiết lập hệ thống tài khoản theo Thông tư 99/ Establish an accounting system in accordance with Circular 99/ 신규 회계법-99에 따른 계정 시스템 설정

1.1. Hướng dẫn/ Instruction/ 안내

- Phần mềm đã thiết lập sẵn hệ thống tài khoản cấp 1 theo đúng quy định tại Thông tư 99.

The software has already set up a level 1 account system in accordance with the regulations in Circular 99.

프로그램은 신규 회계법-99 규정에 따라 1차 계정 시스템을 미리 설정해 두었습니다.

- Đối với tài khoản cấp 2, cấp 3: Ngoài các tài khoản theo Thông tư 99, phần mềm còn tạo sẵn một số tài khoản con chi tiết nhằm phục vụ nhu cầu theo dõi, quản trị nội bộ của doanh nghiệp.

For level 2 and level 3 accounts: In addition to the accounts specified in Circular 99, the software also creates a number of detailed sub-accounts to serve the internal monitoring and management needs of the enterprise.

2차, 3차 계정의 경우: 신규 회계법-99에 따른 계정 외에도, 회계 프로그램은 기업의 내부 관리 요구를 지원하기 위해 일부 상세 하위 계정을 미리 생성해 둡니다.

+ Doanh nghiệp có thể xóa các tài khoản con chi tiết nếu không có nhu cầu sử dụng và các tài khoản này không nằm hệ thống tài khoản của Thông tư 99.

Businesses can delete detailed sub-accounts if they no longer need them and these accounts are not part of the accounting system outlined in Circular 99.

기업은 사용하지 않을 경우, 신규 회계법-99 계정 시스템에 포함되지 않는 상세 하위 계정을 삭제할 수 있습니다.

+ Doanh nghiệp được phép thêm mới tài khoản con chi tiết để phục vụ yêu cầu quản lý riêng.

Businesses are allowed to add new detailed sub-accounts to serve their specific management requirements.

기업은 자체 관리 요구를 충족하기 위해 새로운 상세 하위 계정을 추가할 수 있습니다.

Lưu ý quan trọng/ Important note/ 중요 유의사항:

+ Tại thời điểm 01/01/2026, các công ty đã có dữ liệu từ 2025 về trước phần mềm sẽ tạo ra hệ thống tài khoản Thông tư 99 theo nguyên tắc.

As of January 1, 2026, for companies that already have data from 2025 or earlier, the software will create an accounting system based on Circular 99 according to the following principles.

2026년 01월 01일 기준으로, 2025년 이전 데이터가 있는 회사의 경우, 회계 프로그램은 다음 원칙에 따라 신규 회계법-99 계정 시스템을 생성합니다.

- **Giữ bộ Tài khoản Thông tư 200 ban đầu của khách hàng.
Retain the customer's original Circular 200 Accounts.**

고객의 기존 회계법 200 규정을 유지.

- **Thêm vào các tài khoản mới.
Add new accounts.**

신규 계정 추가.

1383	Thuế TTĐB của hàng nhập khẩu Special consumption tax on imported goods 수입 물품 개별소비세
215	Tài sản sinh học Biological assets 생물자산
2151	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ Livestock for periodic production 정기 생산용 가축
21511	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đạt đến giai đoạn trưởng thành Livestock for periodic production that have not yet reached maturity 정기 생산용 가축(성장 미완료)

21512	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành Livestock for production periodically reach maturity 정기 생산용 가축(성장 완료)
215121	Nguyên giá Original price 원가
215122	Giá trị khấu hao lũy kế Accumulated depreciation value 감가상각 누계액
2152	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần Livestock that takes products once 일회용 가축자산
2153	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần Seasonal or one-time crop 계절별 및 일회용 농작물
2295	Dự phòng tổn thất tài sản sinh học Provision for loss of biological assets 생물자산 손상충당금
2414	Nâng cấp, cải tạo TSCĐ Upgrade and renovate fixed assets 유형자산 개량 및 개선
332	Phải trả cổ tức, lợi nhuận Must pay dividends, profits 배당금 및 이익금
6275	Thuế, phí, lệ phí Taxes, fees, charges 세금·수수료·부과금
82111	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Current corporate income tax expenses according to the provisions of the Law on Corporate Income Tax 법인세법 규정에 따른 당기 법인세 비용
82112	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu Additional corporate income tax expense under the global minimum tax rules 글로벌 최저한세 규정에 따른 법인세 비용

- Xóa tài khoản cũ không còn phù hợp (Không xóa trường hợp bỏ các tài khoản chi tiết)
Delete outdated accounts that are no longer relevant (This does not include deleting detailed account information)

적합하지 않은 기존 계정 삭제 (세부 계정의 경우는 삭제하지 않음)

1385	Phải thu về cổ phần hóa Receivables from privatization 기업화 관련 미수금
161	Chi sự nghiệp Career expenses 사업운영비
1611	Chi sự nghiệp năm trước Expenses incurred last year 전기 사업운영비
1612	Chi sự nghiệp năm nay This year's career expenses 당기 사업운영비
3385	Phải trả về cổ phần hóa It must be returned to the privatization process 기업화 관련 미지급금
417	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Business Restructuring Support Fund 기업구조조정 지원기금
441	Nguồn vốn đầu tư XD CB Capital investment for basic construction 기본건설 투자재원
461	Nguồn kinh phí sự nghiệp Funding for operational activities 사업운영 재원
4611	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước Previous year's operational budget 전기 사업운영 재원
4612	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay Funding for this year's activities 당기 사업운영 재원
466	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Funding source used to acquire fixed assets. 유형자산 형성 재원

611	Mua hàng Purchase 구매
6111	Mua nguyên liệu, vật liệu Purchase raw materials and supplies 원재료 및 자재 구매
6112	Mua hàng hóa Purchase goods 상품 구매
631	Giá thành sản xuất Production cost 제조원가

- **Đổi tên các tài khoản/ Rename accounts/ 계정 명칭 변경**

112	Tiền gửi không kỳ hạn Non-term deposit 무기한 예금
155	Sản phẩm Product 제품
158	Nguyên liệu, vật tư tại kho bảo thuế Raw materials and supplies at bonded warehouses 보세창고에 있는 원재료 및 자재
171	Giao dịch mua, bán lại trái phiếu chính phủ Government bond repurchase and resale transactions 매입 및 재매각 국채
2413	Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ Repair and periodic maintenance of fixed assets 유형자산 정기수선 및 유지보수
242	Chi phí chờ phân bổ Costs pending allocation 이연비용
244	Ký quỹ, ký cược Deposit, collateral 보증금, 예치금
337	Thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng Payment according to construction contract progress 건설 공사 진행율 채무

3387	Doanh thu chờ phân bổ Revenue pending allocation 선수수익
3521	Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa Product and goods warranty reserve 판매 보증 충당금
3525	Dự phòng phải trả khác Other provisions 기타 지급충당금
3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản The Science and Technology Development Fund has formed assets 과학기술개발기금 - 고정자산취득용
4112	Thặng dư vốn Capital surplus 자본잉여금
419	Cổ phiếu mua lại của chính mình Buyback of own shares 자기주식
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước Accumulated undistributed profit after tax up to the end of the previous year 전기 세후 이익잉여금
6412	Chi phí vật liệu, bao bì Cost of materials and packaging 소모품비
6415	Thuế, phí, lệ phí Taxes, fees, charges 세금·수수료·부과금

- **Đổi số tài khoản “3524 - Dự phòng phải trả khác” thành “3525 - Dự phòng phải trả khác**
Change the account number “3524 - Other provisions for liabilities” to “3525 - Other provisions for liabilities”

계정번호 “3524 - 기타 지급충당금”를 “3525 - 기타 지급충당금”로 변경

+ Một số tài khoản con cấp 2, cấp 3 do phần mềm tạo sẵn không chỉ phục vụ theo dõi nội bộ mà còn được sử dụng để phân loại và hiển thị đúng chỉ tiêu trên các báo cáo, đặc biệt là Báo cáo tình hình tài chính (menu D-A), ví dụ: phân loại ngắn hạn / dài hạn. Do đó, chỉ nên xóa các tài khoản con này khi chắc chắn không sử dụng, nhằm tránh ảnh hưởng đến việc tổng hợp và hiển thị số liệu ở các menu báo cáo liên quan.

Some level 2 and level 3 sub-accounts created by the software are not only used for internal monitoring but also for classifying and displaying the correct indicators on reports, especially the Financial Statements (D-A menu), for example, short-term/long-term classification. Therefore, these sub-accounts should only be deleted when it is certain they will not be used, to avoid affecting the aggregation and display of data in related report menus.

회계 프로그램에서 미리 생성한 일부 2차, 3차 하위 계정은 내부 관리 목적뿐만 아니라, 각종 보고서에서 항목을 정확히 분류 및 표시하기 위해 사용되며, 특히 재무상태표(메뉴 D-A)에서 단기/장기 구분 등에 활용됩니다. 따라서 이러한 하위 계정은 실제로 사용하지 않는 것이 확실한 경우에만 삭제해야 하며, 관련 보고서 메뉴에서의 집계 및 표시 오류를 방지하기 위해 주의가 필요합니다.

1.2. Cách thực hiện/ How to do it/ 실행 방법

Truy cập menu [B-G] - Quản lý tài khoản

Access the menu [B-G] - Account Management

메뉴 [B-G] - 계정코드 관리 접속

Chọn chế độ: Thông tư 99

Select mode: Circular 99

모드 선택: 신규 회계법-99

Thực hiện các thao tác/ Perform the operations/ 다음 작업 수행:

Thêm / Sửa / Xóa tài khoản. Quy trình thao tác tương tự như các phiên bản trước đây của phần mềm.

Add/Edit/Delete accounts. The process is similar to previous versions of the software.

계정 추가 / 수정 / 삭제 (조작 절차는 기존 소프트웨어 버전과 동일함).

AMNOTE Ver.22.0.1 [1895 - CÔNG TY TNHH AMGROUP] | Connect Server [Original Server] 118.69.170.50 | Thông tư 99 - DEMO

Ngôn ngữ: [A] Tiếng Việt [B] English [C] Quản lý dữ liệu cơ bản [D] Báo cáo tài chính [E] Quản lý thuế VAT [F] Quản lý tài sản cố định [G] Quản lý hàng tồn kho [H] Hóa đơn [I] Ngoại tệ [J] Sandbox trực tuyến [K] Chứng từ điện tử

[B-G] Quản lý tài khoản

Phân nhập bất buộc:

Mã tài khoản:
 Tên tài khoản:
 Mã tài khoản:
 Tên tài khoản:
 Mã tài khoản:
 Tên tài khoản:

Hệ thống mã cho danh mục tài khoản

Tên tài khoản	Mã tài khoản
TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG	1 - 99
TÀI SẢN NGÂN HÀNG	111 - 199
TÀI SẢN DẠY HẠN	211 - 299
NỢ PHẢI TRẢ	311 - 399
DOANH THU	411 - 499
CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH	511 - 599
THU NHẬP KHÁC	611 - 699
CHI PHÍ KHÁC	711 - 799
	811 - 899

Thông tư 99 | Thông tư 200

Mã tài khoản	Tên tài khoản(Tiếng Việt)	Tên tài khoản(Tiếng Anh)	Tên tài khoản(Tiếng Hàn)
111	Tiền mặt	Cash on hand	현금
112	Tiền gửi ngân hàng	Cash at bank	예금
113	Tiền đang chuyển	Cash in transit	이체금
121	Chứng khoán kinh doanh	Securities trading	매도가능증권
128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Other short - term investment	기타 단기 투자자산
131	Phải thu khách hàng (chi tiết theo đối tượng)	Trade accounts receivable(Detailed by receivables)	매출채권
133	Thuế GTGT được khấu trừ	Deductible VAT	신용 부가세
136	Phải thu nội bộ	Internal receivables	내부거래 미수금
138	Phải thu khác	Other receivables	기타미수금
141	Tạm ứng (Chi tiết theo đối tượng)	Advances (detailed by receivables)	선금
151	Hàng mua đang đi đường	Purchased goods on transit	미착출
152	Nguyên liệu, vật liệu	Raw materials	원재료
153	Công cụ, dụng cụ	Instruments and tools	공구와 도구
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Work in progress	재공품
155	Thành phẩm	Finished products	완제품
156	Hàng hóa	Merchandise inventory	상품
157	Hàng gửi đi bán	Goods consigned for sales	직송품
158	Hàng hóa kho bảo thuế	Goods in bonded warehouses	보세창고에있는 상품
161	Chi sự nghiệp	Governmental sourced expenses	공공 보조금
171	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	Traded purchase and resell government bonds	환매 가능 국채
211	Tài sản cố định hữu hình	Tangible Fixed assets	유형자산
212	TSCĐ thuê tài chính	Financial leased fixed assets	금융리스고정자산
213	TSCĐ vô hình	Intangible fixed assets	무형고정자산
214	Hao mòn TSCĐ	Accumulated depreciation	감가상각누계액
217	Bất động sản đầu tư	Investment property	투자 자산
221	Đầu tư vào công ty con	Investments in subsidiaries	자회사 투자금
222	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Joint venture capital contribution	합작출자자본
228	Đầu tư khác	Other long term investments	기타장기투자금
229	Dự phòng tổn thất tài sản	Provision for assets	재정당금
241	Xây dựng cơ bản dở dang	Construction in progress	건설가계열
242	Chi phí trả trước	Prepaid expenses	선금 비용

2. Thiết lập số dư đầu kỳ năm 2026/ Set the opening balance for 2026/ 2026년 기초잔액 설정

2.1 Hướng dẫn/ Instruction/ 안내

2.1.1 Đối với các doanh nghiệp đã có dữ liệu kế toán cũ/ For businesses that already have outdated accounting data/ 기존 회계 데이터가 있는 기업의 경우

Hướng dẫn: Số dư đầu kỳ năm 2026 được kết chuyển từ số dư cuối năm 2025.

Instructions: The opening balance for 2026 is carried forward from the closing balance for 2025.

안내: 2026년 기초잔액은 2025년 기말잔액에서 이월됩니다.

Trước khi thực hiện chuyển số dư, kế toán cần chuẩn bị và rà soát các nội dung sau:

Before making the balance transfer, the accountant needs to prepare and review the following:

잔액 이월 전 회계 담당자는 다음 사항을 사전에 준비 및 검토해야 합니다:

- Xác định rõ: số dư của từng tài khoản theo Thông tư 200 sẽ được chuyển sang tài khoản nào theo Thông tư 99.

Clearly define: to which account, according to Circular 99, will the balance of each account under Circular 200 be transferred.

기존 회계법 200 기준 각 계정의 잔액이 신규 회계법-99기준 어떤 계정으로 이관되는지 명확히 확인

- Danh sách hàng tồn kho còn tồn cuối kỳ tại thời điểm 31/12/2025.

List of remaining inventory at the end of the period as of December 31, 2025.

2025년 12월 31일 기준 기말 재고자산 목록

- Danh sách tài sản cố định và chi phí trả trước còn giá trị khấu hao/phân bổ đến hết tháng 12/2025.
List of fixed assets and prepaid expenses with remaining depreciation/amortization value as of the end of December 2025.

2025년 12월 말까지 감가상각/상각 잔여가 있는 유형자산 및 선급비용 목록.

Hỗ trợ của phần mềm trong việc chuyển số dư/ Software support for balance transfers/ 잔액 이월에 대한 AMnote 회계 프로그램 지원

- Phần mềm đã thiết lập sẵn các cơ chế hỗ trợ chuyển số dư tài khoản, cụ thể:

The software has pre-set mechanisms to support account balance transfers, specifically:

회계 프로그램은 계정 잔액 이월을 지원하는 메커니즘을 사전에 설정해 두었습니다.

+ Chuyển số dư theo nguyên tắc 1 tài khoản → 1 tài khoản khi tài khoản cũ và tài khoản mới tương ứng.

+ Transfer the balance according to the principle of 1 account → 1 account when the old account and the new account correspond.

기존 계정과 신규 계정이 대응되는 경우, 1개 계정 → 1개 계정 원칙으로 잔액 이월.

+ Tự động nhận diện và thiết lập sẵn đối với các trường hợp tài khoản trùng nhau giữa Thông tư 200 và Thông tư 99.

Automatically detect and pre-configure settings for cases of duplicate accounts between Circular 200 and Circular 99.

기존 회계법 200과 신규 회계법-99간 동일한 계정이 있는 경우 자동으로 인식 및 사전 설정

+ Cho phép người dùng chủ động lựa chọn tài khoản nhận số dư trong các trường hợp: Không tồn tại tài khoản trùng nhau, hoặc chỉ có tài khoản ở cấp chi tiết hơn trong Thông tư 99.

Allows users to proactively choose the account to receive the balance in the following cases: No duplicate accounts exist, or only accounts at a more detailed level as specified in Circular 99 exist.

동일한 계정이 없거나 신규 회계법-99에 더 세분화된 계정만 존재하는 경우, 사용자가 잔액을 이월받을 계정을 직접 선택 가능.

☞ Các trường hợp này sẽ được hiển thị màu vàng để kế toán dễ nhận biết và xử lý.

These cases will be displayed in yellow for easy identification and processing by accountants.

해당 경우는 노란색으로 표시되어 회계 담당자가 쉽게 인지하고 처리할 수 있습니다.

Trường hợp đặc biệt/ Special case/ 특수 사례:

Nếu một tài khoản theo Thông tư 200 cần được phân bổ số dư sang nhiều tài khoản khác nhau theo Thông tư 99, thì Doanh nghiệp cần tạo trước các tài khoản con tương ứng trong hệ thống tài khoản theo Thông tư 200. Thực hiện hạch toán chi tiết trong năm 2025 để đảm bảo số dư cuối kỳ 2025 của từng tài khoản con là chính xác trước khi thực hiện chuyển sang năm 2026.

If an account under Circular 200 needs its balance allocated to multiple different accounts under Circular 99, the enterprise must first create the corresponding sub-accounts within the Circular 200 accounting system. Detailed accounting should be performed in 2025 to ensure that the ending balances of each sub-account are accurate before transferring them to 2026.

기존 회계법 200의 하나의 계정 잔액을 신규 회계법-99의 여러 계정으로 분배해야 하는 경우, 기업은 기존 회계법 200 계정 체계에서 해당 하위 계정을 사전에 생성해야 합니다. 2025년 동안 상세 분개를 수행하여, 2025년 기말 기준 각 하위 계정의 잔액이 정확하도록 한 후 2026년으로 이월해야 합니다.

Hoặc kết chuyển vào 1 tài khoản con nào trước, sau đó vào chỉnh sửa số dư trực tiếp.

Alternatively, transfer the funds to a sub-account first, then edit the balance directly.

또는 먼저 하나의 하위 계정으로 이월한 후, 잔액을 직접 수정할 수 있습니다.

- Hỗ trợ chuyển tài sản cố định/chi phí trả trước với nguyên tắc:

Support for transferring fixed assets/prepaid expenses with the following principles:

고정자산 / 선급비용 이월 지원 원칙:

+ Tạm dừng tài sản cũ ngày 31/12/2025

Suspension of existing assets on December 31, 2025

기존 자산을 2025년 12월 31일 기준으로 일시 중단

+ Thêm mới tài sản tương ứng ngày tiếp nhận/ngày sử dụng là 01/01/2026

Add new assets with the corresponding acquisition/utilization date of 01/01/2026

2026년 01월 01일을 취득일 / 사용일로 하여 대응 자산 신규 생성

+ Nguyên giá: Như cũ

Original price: As before

원가: 기존과 동일

+ Giá trị hao mòn lũy kế: giá trị hao mòn lũy kế tính đến 31/12/2025

Accumulated depreciation: the accumulated depreciation value as of December 31, 2025

누적 감가상각액: 2025년 12월 31일까지의 누적 감가상각액

+ Thời gian khấu hao: Thời gian khấu hao còn lại tính từ 01/01/2026

Depreciation period: The remaining depreciation period is calculated from January 1, 2026.

감가상각 기간: 2026년 01월 01일부터 계산한 잔여 기간

2.1.2 Đối với các công ty mới/ For new companies/ 신규 설립 회사의 경우

Chỉ cần nhập số dư đầu kỳ theo thông tư 99 vào menu Số dư đầu kỳ được chuyển sang bình thường
Simply enter the opening balance as per Circular 99 into the Opening Balance menu, and the process will revert to normal.

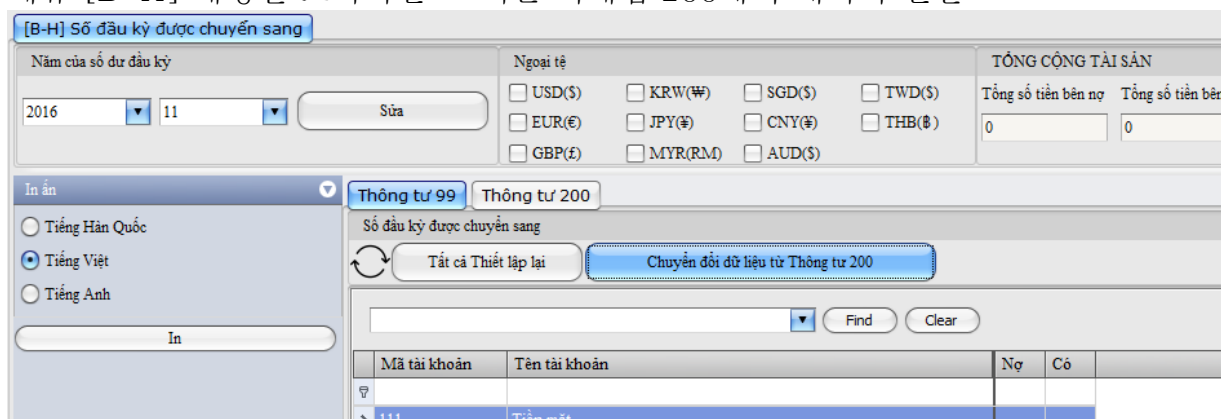
신규 회계법-99 기준으로 기초잔액을 입력하면, 메뉴 ‘계정별 초기이월’에서 정상적으로 반영됩니다.

2.2 Cách thực hiện/ How to do it/ 실행 방법:

Vào menu [B-H] Số dư đầu kỳ được chuyển sang => Chuyển đổi dữ liệu từ Thông tư 200

Go to menu [B-H] Beginning balance transferred => Convert data from Circular 200

메뉴 [B-H] 계정별 초기이월 → 기존 회계법 200에서 데이터 변환



The screenshot shows the 'Số dư đầu kỳ được chuyển sang' (Beginning balance transferred) menu. It includes a section for 'Năm của số dư đầu kỳ' (Year of opening balance) with a dropdown for '2016' and a button 'Sửa' (Edit). There is a section for 'Ngoại tệ' (Foreign currency) with checkboxes for various currencies: USD(\$), KRW(₩), SGD(\$), TWD(\$), EUR(€), JPY(¥), CNY(¥), THB(฿), GBP(£), MYR(RM), and AUD(\$). To the right, there is a 'TỔNG CỘNG TÀI SẢN' (Total Assets) section with two columns: 'Tổng số tiền bên nợ' (Total debit amount) and 'Tổng số tiền bên có' (Total credit amount), both showing '0'. Below this, there is a section for 'In ấn' (Print) with radio buttons for 'Tiếng Hàn Quốc', 'Tiếng Việt' (selected), and 'Tiếng Anh', and a button 'In'. The main area has two tabs: 'Thông tư 99' and 'Thông tư 200'. Under 'Thông tư 200', there is a section 'Số dư đầu kỳ được chuyển sang' with a button 'Tắt cả Thiết lập lại' (Turn off all settings) and a button 'Chuyển đổi dữ liệu từ Thông tư 200' (Convert data from Circular 200). Below this, there is a search bar with a dropdown and buttons 'Find' and 'Clear'. At the bottom, there is a table with columns 'Mã tài khoản' (Account code), 'Tên tài khoản' (Account name), 'Nợ' (Debit), and 'Có' (Credit). The table shows a single row with '111' in the 'Mã tài khoản' column and 'Tiền mặt' (Cash) in the 'Tên tài khoản' column.

Kiểm tra và chọn các tài khoản tương ứng để kết chuyển số dư.

Check and select the corresponding accounts to transfer the balance.

해당 잔액을 이월할 계정을 확인 및 선택.

am Chuyển đổi dữ liệu từ Thông tư 200

Thông tư 200		Thông tư 99	
Mã tài khoản	Tên tài khoản	Mã tài khoản	Tên tài khoản
12831	Cho vay ngắn hạn	12831	Cho vay ngắn hạn
12832	Cho vay dài hạn	12832	Cho vay dài hạn
12881	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn(ngắn hạn)	12881	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn(ngắn hạn)
12882	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn(dài hạn)	12882	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn(dài hạn)
12883	Các khoản đầu tư khác ngắn hạn(không thuộc tương đương tiền)	12883	Các khoản đầu tư khác ngắn hạn(không thuộc tương đương tiền)
1311	Phải thu khách hàng	1311	Phải thu khách hàng
1312	Phải thu dài hạn khách hàng	1312	Phải thu dài hạn khách hàng
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của HH, DV	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ
1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc
13621	Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá ngắn hạn	13621	Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá ngắn hạn
13622	Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá dài hạn	13622	Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá dài hạn
13631	Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa ngắn hạn	13631	Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa ngắn hạn
13632	Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa dài hạn	13632	Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa dài hạn
13681	Phải thu nội bộ khác ngắn hạn	13681	Phải thu nội bộ khác ngắn hạn
13682	Phải thu nội bộ khác dài hạn	13682	Phải thu nội bộ khác dài hạn
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	1381	Tài sản thiếu chờ xử lý
13851	Phải thu ngắn hạn về cổ phần hóa	13881	Phải thu ngắn hạn khác
13852	Phải thu dài hạn về cổ phần hóa	13882	Phải thu dài hạn khác
13881	Phải thu ngắn hạn khác	13881	Phải thu ngắn hạn khác
13882	Phải thu dài hạn khác	13882	Phải thu dài hạn khác
13883	Thuế GTGT chờ khấu trừ	13883	Thuế GTGT chờ khấu trừ
1411	Tạm ứng ngắn hạn(Chi tiết theo đối tượng)	1411	Tạm ứng ngắn hạn(Chi tiết theo đối tượng)
1412	Tạm ứng dài hạn(Chi tiết theo đối tượng)	1412	Tạm ứng dài hạn(Chi tiết theo đối tượng)
151	Hàng mua đang đi đường	151	Hàng mua đang đi đường
1521	Nguyên vật liệu chính	1521	Nguyên vật liệu chính
1522	Vật liệu phụ	1522	Vật liệu phụ
1523	Nhiên liệu	1523	Nhiên liệu
1524	Phụ tùng thay thế	1524	Phụ tùng thay thế
1531	Công cụ, dụng cụ	1531	Công cụ, dụng cụ
1532	Bao bì luân chuyển	1532	Bao bì luân chuyển

Xử lý Ngày sửa cuối: 16/12/2025 08:28:56 Đóng

Sau đó nhấn Xử lý => Tích chọn các phần để bắt đầu kết chuyển => Áp dụng

Then click Process => Select the sections to start transferring => Apply

그 후 처리 버튼을 클릭 → 이월을 시작할 항목을 체크 선택 → 적용 버튼 클릭

am Chuyển đổi dữ liệu từ Thông tư 200

☒ Lưu Số đầu kỳ được chuyển sang

☒ Chuyển số dư ngoại tệ đầu kỳ

☒ Chuyển số dư kho đầu kỳ

☒ Chuyển số dư tài sản cố định đầu kỳ

Áp dụng Đóng

Lưu ý: Có thể kết chuyển lại nếu dữ liệu cuối năm 2025 có sự thay đổi.

Note: The data may be carried over again if there are changes to the end-of-year 2025 data.

유의사항: 2025년 기말 데이터에 변경 사항이 있는 경우, 잔액 이월을 다시 수행할 수 있습니다.

- END -